



# Kết quả kinh doanh HOSE quý 4/2024

# Lợi nhuận quý 4 tiếp tục tăng mạnh 28.9% yoy

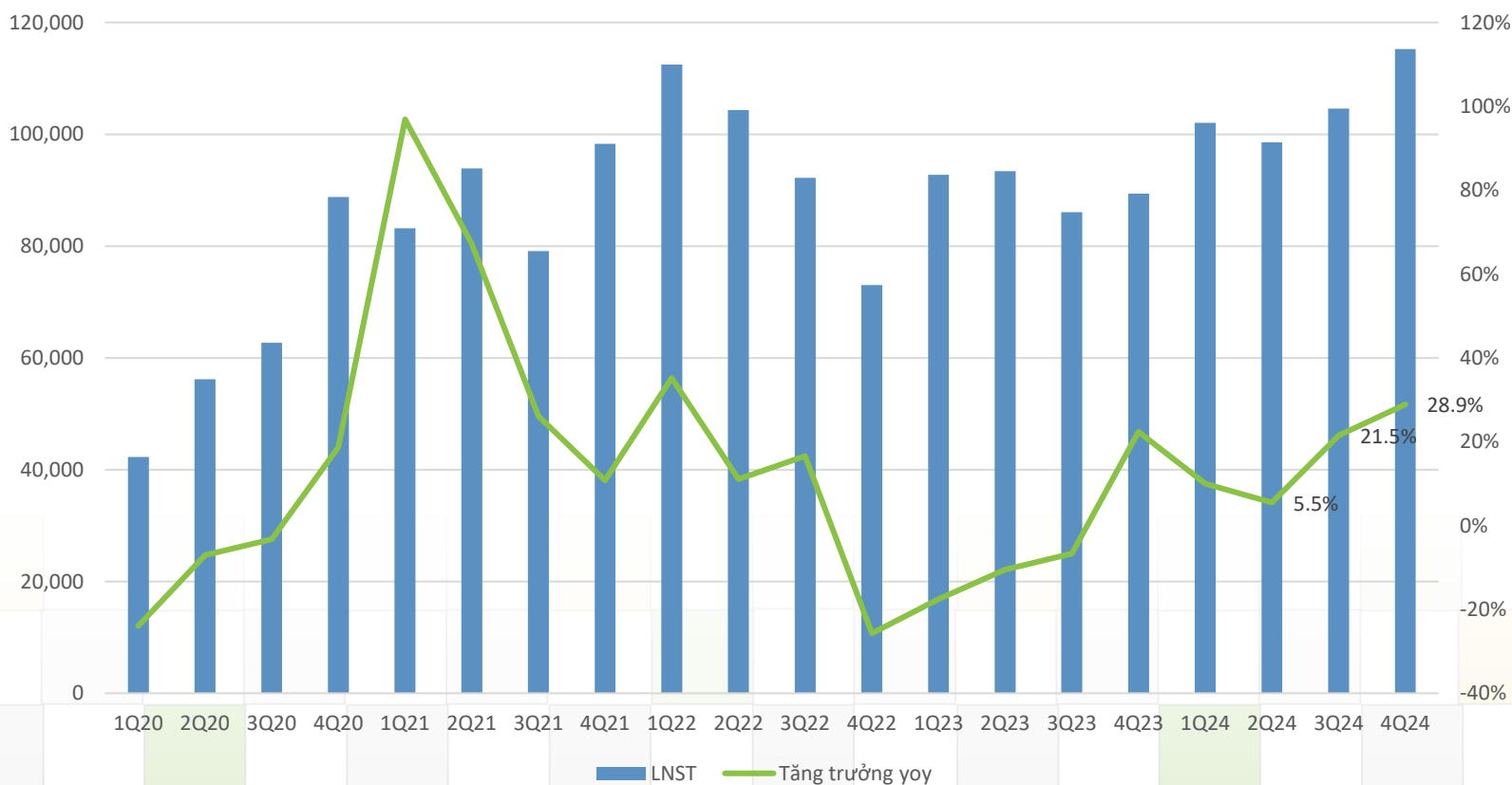
- Ngành bán lẻ tăng 599%
- Ngành bất động sản tăng 98.7%
- Ngành ngân hàng chiếm tới 57.2% tổng lợi nhuận các doanh nghiệp trên sàn HOSE

		Doanh thu			LNST		
		Giá trị	YoY %	QoQ %	Giá trị	YoY %	QoQ %
<b>Tài chính</b>		<b>158,033</b>	<b>81.1%</b>	<b>14.4%</b>	<b>85,641</b>	<b>33.4%</b>	<b>9.9%</b>
	Ngân hàng				65,890	25.0%	19.9%
	Dịch vụ tài chính	9,856	1.1%	-1.9%	2,155	-8.3%	-24.8%
	Bất động sản	133,261	112.1%	16.4%	16,747	98.7%	-13.5%
	Bảo hiểm	14,916	1.5%	9.7%	848	20.1%	17.7%
<b>Phi tài chính</b>		<b>629,751</b>	<b>8.6%</b>	<b>9.9%</b>	<b>29,591</b>	<b>17.5%</b>	<b>11.0%</b>
	Bán lẻ	59,437	13.5%	0.5%	1,214	598.9%	5.0%
	Công nghệ Thông tin	22,778	16.9%	11.7%	2,433	28.6%	11.6%
	Dầu khí	109,795	-2.3%	11.2%	672	-78.4%	-169.8%
	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65,737	11.8%	13.0%	3,836	-27.4%	-28.2%
	Du lịch và Giải trí	47,184	8.6%	3.4%	1,188	-166.7%	-22.4%
	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	47,975	25.5%	12.6%	3,189	113.6%	29.6%
	Hàng cá nhân & Gia dụng	19,350	-7.7%	10.2%	1,382	11.8%	59.9%
	Hóa chất	33,144	12.4%	18.0%	3,933	23.9%	61.4%
	Ô tô và phụ tùng	16,859	22.4%	23.9%	119	-67.5%	20.3%
	Tài nguyên Cơ bản	73,477	12.0%	8.0%	2,925	0.1%	-7.2%
	Thực phẩm và đồ uống	88,119	6.1%	2.8%	5,836	22.8%	-8.2%
	Truyền thông	688	56.1%	8.3%	91	178.1%	254.2%
	Xây dựng và Vật liệu	38,578	9.0%	30.0%	2,108	14.6%	36.7%
	Y tế	6,628	2.9%	36.3%	666	-3.3%	43.4%
<b>Tổng cộng</b>		<b>787,783</b>	<b>18.1%</b>	<b>10.8%</b>	<b>115,233</b>	<b>28.9%</b>	<b>10.2%</b>

# Tăng trưởng lợi nhuận liên tục cải thiện trong năm 2024

- Lợi nhuận gần như trong xu hướng tăng liên tục từ quý 4/2022, thời điểm NHNN tăng lãi suất điều hành 4 lần liên tiếp

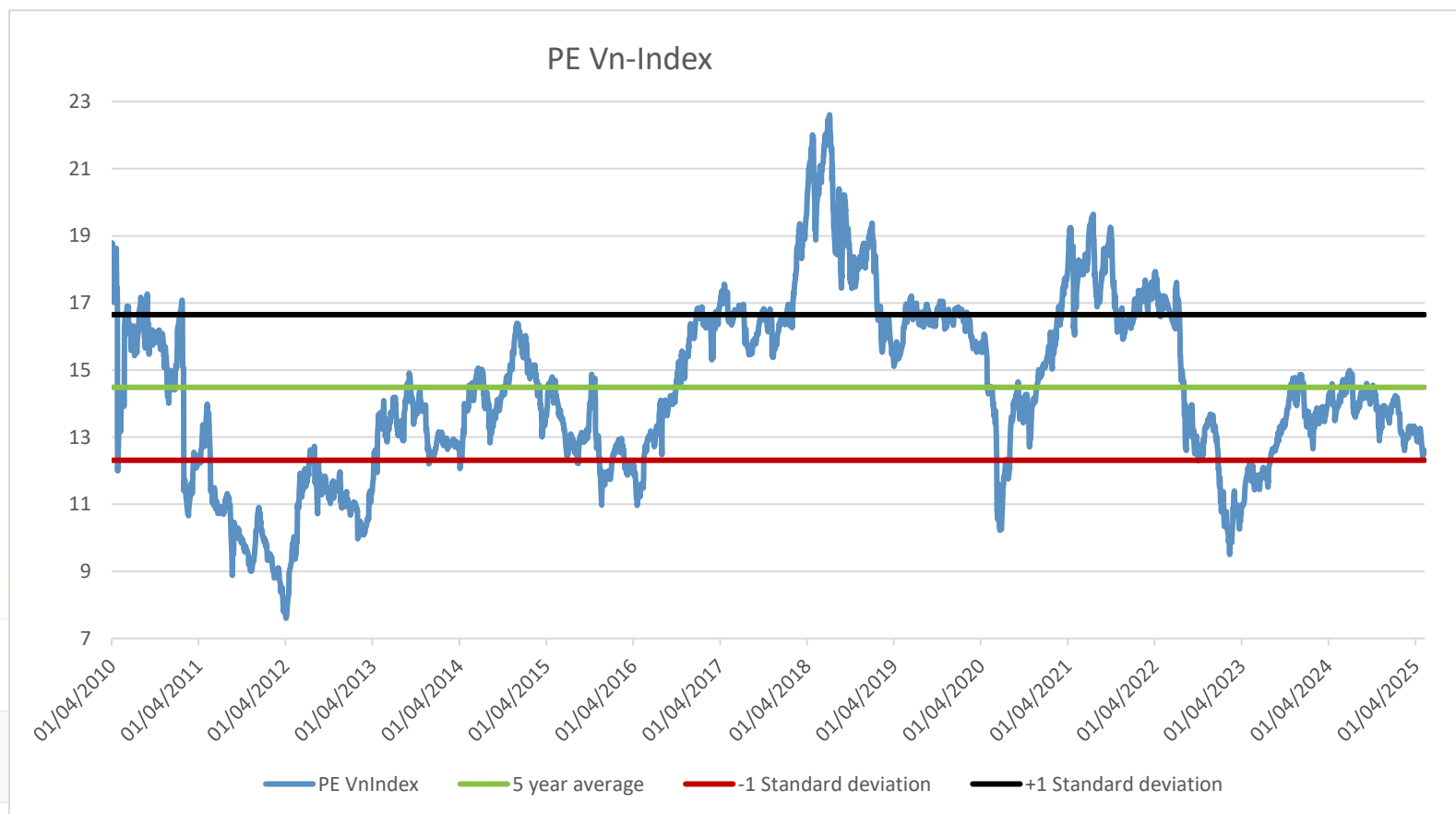
Lợi nhuận sau thuế và tăng trưởng yoy



Đơn vị: Tỷ đồng  
 Nguồn: FiinX

# Chỉ số PE đã về sát biên dưới 1 lần độ lệch chuẩn

- Vn-Index PE: 12.57 lần
- Gần bằng biên dưới 1 lần độ lệch chuẩn: 12.31 lần



# Nhiều doanh nghiệp lớn có lợi nhuận tăng bằng lần

- Các doanh nghiệp tiêu biểu có lợi nhuận tăng mạnh là: DBC VHM MSN MWG VGC KSB VSC KDH
- Các doanh nghiệp tiêu biểu có lợi nhuận giảm mạnh là: HDC CII VJC NT2 VND DPM

Top 30 doanh nghiệp có lợi nhuận tăng/giảm mạnh nhất

STT	Mã	LNST yoy	Mã	LNST yoy
1	TCD	479432.8%	HDC	-99.6%
2	ABR	41497.5%	NO1	-98.1%
3	VNG	8483.7%	NBB	-95.2%
4	HU1	4136.0%	CII	-95.2%
5	DBC	3602.0%	HPX	-93.8%
6	CIG	3142.6%	FIT	-87.4%
7	VIP	3086.6%	HTN	-85.2%
8	VGC	2827.9%	GIL	-84.4%
9	SPM	2596.0%	SRC	-83.4%
10	VRC	2205.4%	HSL	-83.4%
11	SBG	1436.0%	NHH	-83.0%
12	VHM	1297.2%	VJC	-81.5%
13	TYA	1289.8%	LGC	-81.3%
14	MSN	1279.1%	HAG	-80.0%
15	KSB	1188.1%	HCD	-77.2%
16	CRE	1048.0%	ITC	-76.6%
17	MWG	838.4%	HTL	-75.9%
18	VHC	792.8%	CCI	-75.9%
19	TDG	652.9%	SCR	-75.6%
20	VSC	561.8%	VDS	-75.1%
21	DAH	541.7%	DC4	-74.8%
22	MCP	540.1%	NT2	-73.3%
23	KDH	539.3%	RYG	-72.9%
24	CTF	510.3%	DTA	-69.8%
25	GEE	420.1%	VND	-69.4%
26	SAM	412.1%	CRV	-68.7%
27	YEG	384.8%	CCL	-68.3%
28	SGT	373.0%	DPM	-66.4%
29	HRC	370.8%	DSE	-66.3%
30	SHI	353.6%	SFG	-63.4%

# Nhóm Ngân hàng: tăng trưởng tín dụng là động lực tăng trưởng

- Tăng trưởng tín dụng năm 2024 toàn nền kinh tế là 15.1%, cao hơn so với mức tăng 13.5% năm 2023
- Nhiều ngân hàng có mức tăng trưởng tín dụng vượt trội trên 20% là MBB TCB HDB LPB VIB SSB
- NIM có xu hướng giảm nhẹ để hỗ trợ nền kinh tế. Trong 18 ngân hàng niêm yết, có 9 ngân hàng có NIM giảm, 2 ngân hàng có NIM không thay đổi, và 7 ngân hàng có NIM tăng nhẹ từ 0.2-0.5%. Cùng với việc lãi suất tiền gửi đang ở mức rất thấp trong lịch sử (dù tăng nhẹ vài tháng gần đây), cho thấy lãi suất cho vay hiện rất thấp
- Tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ yoy: 8/18 ngân hàng có nợ xấu giảm và 10/18 có nợ xấu tăng; tuy vậy, mức trung bình nợ xấu toàn ngành lại giảm, do VPB và TPB có nợ xấu giảm rất mạnh

Công ty	LNST				NIM		Tăng trưởng tín dụng		Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	
	Quý 4	Yoy	2024	Yoy	2024	Yoy	2024	Yoy	2024	Yoy
VCB	8,570	-8.4%	33,853	+2.4%	2.9%	-0.1%	13.9%	+3.1%	0.96%	-0.02%
MBB	6,382	+26.5%	22,951	+9.0%	4.1%	-0.7%	24.7%	-3.3%	1.62%	+0.02%
TCB	3,420	-23.7%	21,760	+19.6%	4.2%	+0.2%	21.7%	+0.1%	1.12%	-0.03%
CTG	9,871	+60.7%	25,475	+27.1%	2.9%	+0.0%	16.8%	+1.3%	1.25%	+0.12%
BID	7,464	+20.6%	25,122	+14.3%	2.3%	-0.2%	15.5%	-0.8%	1.41%	+0.15%
VPB	5,040	+138.7%	15,987	+88.2%	5.8%	+0.2%	18.2%	-7.3%	4.20%	-0.82%
ACB	4,545	+13.5%	16,790	+4.6%	3.6%	-0.3%	19.1%	+1.2%	1.49%	+0.28%
HDB	3,237	-6.1%	13,248	+28.2%	5.2%	+0.4%	27.0%	-4.8%	1.93%	+0.14%
LPB	2,670	+1.6%	9,721	+74.5%	3.5%	+0.3%	20.4%	+3.4%	1.57%	+0.23%
STB	3,598	+59.3%	10,087	+30.7%	3.6%	-0.1%	14.8%	+4.8%	2.40%	+0.13%
SHB	1,982	+242.2%	9,216	+25.8%	3.3%	-0.3%	17.2%	+2.9%	2.64%	-0.38%
VIB	1,921	+1.0%	7,204	-15.9%	3.7%	-1.0%	21.5%	+7.3%	3.51%	+0.37%
TPB	1,705	+245.2%	6,074	+36.1%	3.5%	-0.4%	19.9%	+0.8%	1.52%	-0.53%
SSB	1,221	+5.1%	4,816	+31.0%	3.5%	+0.5%	20.1%	+3.7%	1.89%	-0.05%
MSB	1,617	+234.3%	5,519	+18.8%	3.6%	-0.5%	18.9%	-3.4%	2.65%	-0.22%
NAB	967	-2.3%	3,607	+37.6%	3.6%	+0.0%	18.3%	+2.0%	2.33%	+0.22%
EIB	1,436	+78.4%	3,327	+53.7%	2.8%	+0.3%	17.5%	+9.9%	2.53%	-0.12%
OCB	1,156	+10.3%	3,174	-3.9%	3.5%	+0.2%	16.5%	-5.9%	3.17%	+0.51%

# Ngành chứng khoán: margin vẫn là động lực lợi nhuận

- LNST nhóm chứng khoán giảm 10.6% yoy trong quý 4
- Doanh thu môi giới giảm 15.8% yoy do giá trị giao dịch trên 3 sàn trong quý 4/2024 giảm 6.9% yoy và mức độ cạnh tranh ngành có thể đã gia tăng nên 1 số công ty chứng khoán đã phải giảm phí giao dịch (thậm chí áp dụng phí 0%)
- Tuy nhiên, doanh thu margin lại tăng 27.6% do tổng số dư margin tăng 32.7%

Công ty	LNST				Doanh thu môi giới				Doanh thu Margin				Số dư Margin			
	Quý 4	YoY	2024	YoY	Quý 4	YoY	2024	YoY	Quý 4	YoY	2024	YoY	2024	2023	YoY	
SSI	438	-14.8%	2,845	+24.0%	324	-16.0%	1,705	+10.4%	571	+30.0%	2,079	+32.6%	21,999	15,134	+45.4%	
VND	251	-69.4%	1,718	-15.0%	142	-34.4%	720	-17.0%	327	+19.5%	1,255	+8.7%	10,344	10,286	+0.6%	
HCM	227	+26.6%	1,040	+54.2%	187	+6.4%	848	+26.2%	510	+59.4%	1,714	+60.7%	20,429	12,135	+68.3%	
VCI	218	+77.6%	911	+85.1%	188	+24.6%	746	+36.2%	252	+34.5%	873	+26.7%	11,222	7,992	+40.4%	
MBS	165	-4.4%	744	+27.3%	131	-23.3%	628	+2.2%	268	+22.0%	1,056	+58.9%	10,294	9,218	+11.7%	
FTS	160	+279.5%	567	+27.5%	44	-37.7%	264	-12.5%	162	+41.4%	589	+33.0%	7,068	5,394	+31.0%	
BSI	91	+41.6%	413	+1.2%	62	-8.5%	299	+4.5%	127	+4.9%	505	+13.3%	5,200	4,296	+21.1%	
SHS	232	+30.2%	1,012	+80.9%	57	+0.3%	248	+10.7%	125	-9.0%	498	-9.0%	4,187	3,835	+9.2%	
VDS	17	-76.5%	291	-11.8%	41	-29.0%	189	-24.5%	103	+16.0%	389	+19.7%	2,746	2,773	-1.0%	
BVS	34	-36.0%	171	-12.5%	62	-26.8%	319	+3.4%	124	+6.9%	411	+24.4%	3,504	3,209	+9.2%	
VIX	112	-41.3%	663	-31.4%	32	+24.8%	135	+56.4%	144	+77.6%	488	+97.2%	5,774	3,008	+92.0%	
PHS	-	1	-105.4%	0	-99.8%	29	-30.3%	145	-3.4%	63	-26.0%	279	-11.4%	2,875	2,952	-2.6%
DSC	26	+4.5%	177	+47.5%	18	-27.5%	107	-18.9%	57	+54.7%	197	+45.8%	2,186	1,492	+46.6%	
CTS	58	+78.2%	231	+23.3%	21	-20.4%	109	+8.7%	84	+3.8%	320	+26.1%	3,241	2,777	+16.7%	
AGR	43	+27.0%	135	-7.6%	14	-8.5%	71	+20.9%	41	+30.4%	165	+18.7%	1,694	1,412	+20.0%	
ORS	71	+20.3%	379	+65.9%	16	-78.8%	101	-20.9%	65	+118.3%	196	+77.1%	2,880	1,092	+163.7%	
VFS	38	+83.7%	125	+46.1%	11	+1.2%	49	+3.7%	26	+47.4%	97	+81.9%	926	695	+33.2%	
PSI	5	+3092.9%	27	+8.6%	13	+20.7%	50	+13.6%	35	+12.2%	142	+31.3%	1,018	878	+16.0%	
BMS	16	+134.9%	82	-3.0%	5	+181.5%	26	+350.6%	1	+1183.4%	2	+880.0%	56	4	+1334.7%	
TCI	3	-45.7%	59	+0.3%	7	+2.7%	30	+21.3%	20	-6.3%	84	+53.9%	707	746	-5.2%	
EVS	13	+194.2%	17	-48.4%	4	-22.5%	21	-22.8%	8	+34.0%	27	-16.4%	211	158	+33.2%	
TVS	105	+315.4%	282	+11.9%	12	+196.7%	31	+68.8%	7	+24.5%	30	+46.2%	429	197	+118.0%	
<b>Tổng</b>	<b>2,323</b>	<b>-10.6%</b>	<b>11,889</b>	<b>+16.1%</b>	<b>1,422</b>	<b>-15.8%</b>	<b>6,841</b>	<b>+6.2%</b>	<b>3,120</b>	<b>+27.6%</b>	<b>11,396</b>	<b>+30.9%</b>	<b>118,990</b>	<b>89,684</b>	<b>+32.7%</b>	

# Lợi nhuận nhóm bất động sản tăng 98.7% yoy nhờ VHM VIC

- Nếu loại cả VHM VIC NVL (3 mã có ảnh hưởng lớn nhất tới lợi nhuận nhóm BĐS), thì lợi nhuận nhóm BĐS vẫn giảm 10.2% yoy, cho thấy năm 2024 và 4Q2024 vẫn chưa phải là điểm rơi lợi nhuận của ngành BĐS
- VHM: lợi nhuận tăng tới gần 13 lần nhờ bán lô lớn tại dự án Royal Island và Ocean Park 3
- VIC: lợi nhuận chuyển từ lỗ 64 tỷ sang lãi 2,205 tỷ nhờ 1) Mảng bất động sản (VHM) khả quan, và 2) Chủ tịch tài trợ 5,000 tỷ (ghi nhận trong doanh thu khác)
- NVL lỗ ròng 2,307 tỷ do 1) Lỗ tỷ giá 664 tỷ và 2) Phân phân bổ cho cổ đông thiểu số rất lớn, lên tới 2,300 tỷ

STT	Code	Doanh thu		LNST	
		3Q2024	YoY	3Q2024	YoY
1	VIC	65,244	137.9%	2,025	na
2	VHM	33,136	281.0%	11,537	1297.2%
3	NLG	6,369	289.3%	497	71.4%
4	NVL	4,779	135.7%	(2,307)	na
5	VRE	2,128	-9.2%	1,085	1.7%
6	SIP	2,064	8.0%	317	-6.5%
7	KDH	2,048	336.1%	398	539.3%
8	BCM	2,000	-60.5%	1,370	-33.2%
9	PDR	1,844	2608.8%	369	30.6%
10	TCH	1,561	-3.2%	307	13.6%
11	DXG	1,529	9.2%	158	234.6%
12	KBC	781	-7.7%	75	6.5%
13	TDC	764	485.0%	315	na
14	HDG	755	-12.4%	153	-46.9%
15	VPI	750	457.3%	104	158.7%
16	DXS	557	16.7%	36	na
17	CRV	535	-63.3%	122	-68.7%
18	HPX	532	5.9%	4	-93.8%
19	CKG	492	42.8%	49	-13.6%
20	QCG	486	213.9%	62	301.9%
21	SCR	470	378.3%	1	-75.6%
22	DIG	446	2.7%	89	33.8%
23	KOS	436	18.9%	2	-63.3%
24	CRE	384	16.2%	11	1048.0%
25	IJC	306	28.5%	156	105.3%
26	SJS	278	43.0%	122	50.1%
27	D2D	266	124.6%	91	287.2%
28	TN1	232	27.3%	5	na
29	SZC	230	-11.1%	75	34.1%
30	ITC	168	-10.6%	12	-76.6%



# Nhóm bán lẻ tăng trưởng đột biến nhờ MWG FRT

Lợi nhuận nhóm bán lẻ tăng tới 599% nhờ:

- MWG tăng trưởng 8.4 lần, do nền lợi nhuận cùng kỳ 2023 rất thấp. Theo chúng tôi vì MWG đã dừng cuộc chiến giá rẻ, quay trở lại với chiến lược giá cao và tăng cường chất lượng dịch vụ
- FRT chuyển từ lỗ 101 tỷ sang lãi 111 tỷ nhờ doanh thu và lợi nhuận từ chuỗi nhà thuốc Long Châu cao hơn dự kiến

Nếu loại bỏ MWG FRT, lợi nhuận ngành bán lẻ vẫn tăng trưởng tốt 38.6% trong quý 4 và tăng 22.2% trong năm 2024, cho thấy ngành bán lẻ cũng đang có sự hồi phục tương đối tốt

Ngoài MWG FRT, các mã có sự tăng trưởng tốt là PET DGW AST

STT	Code	Doanh thu				LNST			
		4Q2024	YoY	2024	YoY	4Q2024	YoY	2024	YoY
1	FRT	11,448	31.7%	40,104	25.9%	111	na	318	na
2	PIT	160	-19.1%	736	3.8%	0.2	na	3	na
3	CMV	1,215	7.6%	4,609	8.2%	(0.3)	-105.9%	8	-52.9%
4	COM	959	-16.2%	4,107	-5.4%	12	-40.8%	27	-22.2%
5	BTT	80	19.9%	277	19.0%	10	21.8%	47	-4.9%
6	SBV	173	54.8%	490	15.2%	(8)	na	(32)	na
7	AST	352	21.5%	1,330	20.9%	42	44.2%	149	28.6%
8	DGW	5,859	20.8%	22,078	17.3%	140	56.7%	444	25.2%
9	PET	4,617	3.0%	19,061	8.9%	59	162.2%	173	71.9%
10	MWG	34,574	10.0%	134,341	13.6%	847	838.4%	3,722	2119.8%
	<b>Total</b>	<b>59,437</b>	<b>13.5%</b>	<b>227,133</b>	<b>15.0%</b>	<b>1,214</b>	<b>598.9%</b>	<b>4,857</b>	<b>889.5%</b>

# Nhóm thép lợi nhuận giảm 13%

- Chỉ có 2 doanh nghiệp có lợi nhuận tăng trưởng dương là HSG và TNI (tăng 60% và 353% trong quý 4), các doanh nghiệp còn lại đều tăng trưởng lợi nhuận âm hoặc lỗ
- HPG: Lợi nhuận giảm 5.6% do sản lượng thép xây dựng và thép HRC giảm lần lượt 4% và 19% yoy do chính sách bảo hộ tại các thị trường xuất khẩu và sự cạnh tranh từ thép Trung Quốc
- HSG Lợi nhuận tăng tốt 60.2% do 1) Sản lượng tăng 11% yoy (đạt 499,500 tấn) và 2) Biên lợi nhuận gộp tăng mạnh từ 10.5% lên 11.8% nhờ tích trữ được HRC giá rẻ từ những quý trước

Code	Doanh thu				LNST			
	4Q2024	YoY	2024	YoY	4Q2024	YoY	2024	YoY
HPG	34,491	0.3%	138,855	16.7%	2,807	-5.6%	12,020	75.9%
HSG	10,222	12.7%	40,420	23.2%	166	60.2%	577	-29.1%
NKG	4,469	0.2%	20,609	10.8%	18	-18.0%	453	270.6%
SHI	3,922	43.5%	11,252	17.1%	26	353.6%	78	786.9%
SMC	2,177	-32.2%	8,924	-35.3%	(292)	na	(270)	na
TLH	1,777	-18.0%	6,305	2.4%	(317)	na	(586)	na
HMC	1,258	62.9%	4,235	35.8%	10	-26.2%	26	21.3%
DTL	554	16.4%	1,967	-0.5%	1	na	6	na
VCA	345	-26.8%	1,358	-21.3%	3	-29.4%	1	-85.4%
SHA	305	26.1%	1,140	5.2%	2	-20.7%	14	0.4%
TNI	382	85.8%	993	30.4%	(21)	na	(24)	na
<b>Total</b>	<b>59,902</b>	<b>2.9%</b>	<b>236,058</b>	<b>13.2%</b>	<b>2,403</b>	<b>-13.0%</b>	<b>12,295</b>	<b>80.9%</b>



#### Head Quarter

9th floor, East Tower, Lotte Center Ha Noi, 54 Lieu Gia, Cong Vi ward, Ba Dinh District, Ha Noi

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

#### Hanoi branch

1st floor, Somerset Grand Hanoi & Room 505, 5F, Hanoi Tower, No. 49 Hai Ba Trung, Tran Hung Dao ward, Hoan Kiem District, Ha Noi

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

#### Ho Chi Minh branch

3rd floor, President Place Building, 93 Nguyen Du, Ben Nghe ward, District 1, HCM

Hotline: 0283.838.5917

Fax: 0283.620.0887

This report belongs to NHSV, any unauthorized copying or printing without NHSV's permission is strictly prohibited. This report does not constitute an invitation to buy or sell any securities. The recommendation in this report may not be suitable for all investors. The information, forecasts and recommendation in this report are based on reliable sources. However, NHSV does not guarantee the complete accuracy and completeness of these information sources. NHSV is not responsible for errors, omissions, losses contained in this document.

